

Số: 47 / BC- UBND

Tuy Phước, ngày 05 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2011 - 2015"

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-VHXH, ngày 04/4/2014 của HĐND tỉnh Bình Định về việc giám sát chuyên đề “ Tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2011-2015”. UBND huyện Tuy Phước báo cáo tình hình triển khai và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn huyện như sau :

I. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2011-2015

1. Khái quát thực trạng giáo dục mầm non của địa phương, đơn vị trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết :

- Các trường mẫu giáo, mầm non trên địa bàn huyện hoạt động với loại hình trường bán công do UBND các xã, thị trấn trực tiếp quản lý, Phòng GD và ĐT huyện chỉ đạo về mặt chuyên môn và đạt kết quả như sau :

a) Về trường, lớp, học sinh :

- Có 14 trường mầm non, mẫu giáo bán công.

- Học sinh ra lớp 3-5 tuổi : 5059/7389 trẻ Tỷ lệ : 68,46%

 Trẻ 5 tuổi ra lớp : 2532/2532 trẻ Tỷ lệ : 100%

- Trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày : 995/ 2532 trẻ Tỷ lệ : 39,29%

b) Về cơ sở vật chất:

-Phòng học lớp 5 tuổi: 161 phòng. Trong đó :

Kiên cố : 68 phòng

Bán kiên cố : 83 phòng

Học nhờ, học tạm ; 10 phòng

-Bếp ăn :

+Trường có bếp ăn : 02/14(MN huyện và Phước An) Tỷ lệ : 14,28%

- Số trường có đồ chơi ngoài trời : 03 /14 Tỷ lệ : 21,42%
- Số nhóm, lớp có công trình vệ sinh đạt yêu cầu :33/195 Tỷ lệ : 16,92%
- Số nhóm, lớp có đủ ĐDDH và ĐC tối thiểu : 16/195 Tỷ lệ : 8,2%
- (trong đó lớp MG 5 tuổi có ĐDDH và thiết bị tối thiểu : 14/161 Tỷ lệ : 8,69%
- Tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia : không

c) Đội ngũ giáo viên mầm non :

+ Giáo viên đạt chuẩn : 220 người, tỷ lệ : 100%; trong đó trình độ trên chuẩn : 27 người, tỷ lệ : 12,27%

-Định mức giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo loại hình bán trú : 2 giáo viên/ lớp. Giáo viên dạy lớp mẫu giáo 1 buổi : 1 giáo viên/ lớp.

d) Chất lượng chăm sóc giáo dục:

- Tăng cường phổ biến kiến thức khoa học trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (ND, CS,GD)trẻ đến các bậc phụ huynh và cộng đồng;

- Phối hợp với Trung tâm y tế tổ chức khám và theo dõi sức khỏe định kỳ cho trẻ, tiêm chủng mở rộng đủ 100% trẻ trong độ tuổi;

- Thực hiện tốt vệ sinh ATTP, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (SDD) ngày càng giảm (SDD thể nhẹ cân : 9,1% và SDD thể thấp còi : 7,71%)không có trường hợp tai nạn nào xảy ra trong các cơ sở giáo dục mầm non;

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo hướng tích hợp các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo chủ đề; tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; thực hiện tốt các chuyên đề : phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển thẩm mỹ.....

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết đề ra :

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi:

** Đối với cá nhân :*

- 100% trẻ 5 tuổi đều hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5-6 tuổi) do Bộ GD và ĐT ban hành trước 6 tuổi (đạt chỉ tiêu)

- Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5-6 tuổi) được học 2b/ngày trong suốt năm học (9 tháng) đạt tỷ lệ : 86,50% (chưa đạt chỉ tiêu)

** Đối với đơn vị cơ sở :*

- Trẻ em :

+ 100% trẻ em 5 tuổi ra lớp, 100% trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5-6 tuổi) (đạt chỉ tiêu)

+Tỷ lệ chuyên cần 99,60% (đạt chỉ tiêu)

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (4,70%), thể thấp còi (3.60%) (đạt chỉ tiêu)

- Giáo viên :

+ 100% giáo viên dạy các trường công lập được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành (đạt chỉ tiêu)

+ Giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đủ số lượng theo quy định hiện hành (đạt chỉ tiêu)

+ 100% giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt trình về trình độ đào tạo, trong đó có 36,69% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (chưa đạt chỉ tiêu)

- Cơ sở vật chất :

+ Số phòng học : 134 lớp/110 phòng (chưa đạt chỉ tiêu)

+ 56,73% lớp 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu (chưa đạt chỉ tiêu)

+ 2/14 trường có nhà bếp, công trình vệ sinh chưa đủ (thiếu 90 phòng vệ sinh), sân chơi có đồ chơi : 07 bộ/ 7 trường (chưa đạt chỉ tiêu)

b. Tổng hợp số xã, thị trấn và huyện, đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi :

- Tổng số xã, thị trấn được công nhận đạt phổ cập : không

So sánh với Nghị quyết HĐND đã đề ra : chưa đạt

c. Kinh phí (nguồn kinh phí của các cấp: Ngân sách TW, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, nguồn xã hội hóa).

- Giai đoạn 1 (2011 – 2013):

Tổng kinh phí : 9.008.677.192đ Chia ra :

Trung ương, tỉnh 6.471.687.192đ Huyện : 2.536.990.000đ

Trong đó: * Dự án 1: Xây dựng phòng học, phòng chức năng;

Tổng kinh phí : 3.060.490.000đ Chia ra :

Trung ương, tỉnh : 600.000.000đ Huyện : 2.460.490.000đ

* Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị, đồ chơi;

Tổng kinh phí : 2.938.467.192đ Chia ra :

Trung ương, tỉnh : 2.861.967.192đ Huyện : 76.500.000đ

* Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên: không

* Dự án 4: Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi theo Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/7/2011.

Tổng kinh phí : 3.009.720.000đ Chia ra :

Trung ương, tỉnh : 3.009.720.000đ Huyện : không

- Giai đoạn 2 (2014 – 2015):

+ Kinh phí đã phân bổ trong năm 2014 và đã thực hiện đến hết quý I/ 2014;

Tổng kinh phí : 7.998.000.000đ Chia ra :
Trung ương, tỉnh : 3.998.000.000đ Huyện : 4.000.000.000đ

Trong đó: * Dự án 1: Xây dựng phòng học, phòng chức năng;

Kinh phí đã phân bổ trong năm 2014 : 7.000.000.000đ

Trung ương, tỉnh : 3.000.000.000đ Huyện : 4.000.000.000đ

Đã thực hiện đến hết quý I/ 2014 : chưa

* Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị, đồ chơi;

Kinh phí đã phân bổ trong năm 2014 (theo kế hoạch của tỉnh)

* Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên;

Kinh phí đã phân bổ trong năm 2014 : không

* Dự án 4: Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi theo Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/7/2011.

Kinh phí đã phân bổ trong năm 2014 : 998.000.000đ;

Trung ương tỉnh : 998.000.000đ Huyện : không

Đã thực hiện đến hết quý I/ 2014 (Tháng 5/2014) : 503.160.000đ

+ Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện trong năm 2015.

Tổng kinh phí : 50.915.000.000đ Chia ra :

Trung ương tỉnh : 44.415.000.000đ Huyện : 6.500.000.000đ

Trong đó: * Dự án 1: Xây dựng phòng học, phòng chức năng;

Tổng kinh phí : 46.560.000.000đ Chia ra :

Trung ương tỉnh : 40.560.000.000đ Huyện : 6.000.000.000đ

* Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị, đồ chơi;

Tổng kinh phí : 3.240.000.000đ (cả 2 năm 2014 và 2015)

Trung ương, tỉnh : 2.740.000.000đ Huyện : 500.000.000đ

* Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên : không

* Dự án 4: Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi theo Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/7/2011.

Tổng kinh phí : 1.115.000.000đ

Trung ương tỉnh : 1.115.000.000đ Huyện : không

II. Đánh giá chung

1. Những ưu điểm.

- Được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Định, sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy; sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể

cấp huyện và các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi;

- Thực hiện đúng lộ trình chuyển đổi các trường mầm non bán công sang công lập và công lập tự chủ về tài chính.

- Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo triển khai tích cực công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi trên địa bàn. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị, cho các trường mầm non theo hướng đến năm 2015 các trường mầm non trên địa bàn huyện đạt chuẩn về phòng học và thiết bị cho các lớp mầm non 5 tuổi;

- Đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên các trường được đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn 100% ,nhiệt tình, có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục và nhiệm vụ phổ cập giáo dục;

- Tất cả các trường trên địa bàn huyện đã tạo điều kiện tốt nhất để huy động hết số trẻ 5 tuổi ra lớp. Các cháu 5 tuổi trên địa bàn được hỗ trợ chế độ ăn trưa và chi phí học tập theo quy định.

2. Những tồn tại, hạn chế, bất cập.

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tuy đã được tăng cường nhưng vẫn còn thiếu, cảnh quan và môi trường sư phạm nhiều nơi chưa tốt, phần lớn các phòng học không có nhà vệ sinh, các trường chưa có bếp ăn; các trang thiết bị đồ dùng dạy học chưa đủ theo quy định;

- Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn thấp (36,69%)

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày và học bán trú chưa đạt chỉ tiêu (86,50%)

- Công tác xã hội hóa giáo dục hiệu quả chưa cao, nhiều nơi chưa huy động được mọi nguồn lực tập trung cho giáo dục mầm non.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

3.1. Nguyên nhân khách quan :

- Do tồn tại loại hình trường bán công trong thời gian dài, UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm quản lý nên việc đầu tư, xây dựng CSVC không đáp ứng yêu cầu và không đồng đều giữa các địa phương. Mức thu nhập của giáo viên của ngành học thấp, chưa có điều kiện để giáo viên tự học nâng cao trình độ chuyên môn.

- Việc chuyển loại hình trường bán công sang công lập và công lập tự chủ về tài chính và một số chính sách hỗ trợ khác đã khuyến khích giáo viên và trẻ trong công tác huy động, ra lớp ngày một tăng nhanh trong khi việc đầu tư, xây dựng CSVC không đáp ứng kịp nên dẫn đến thiếu phòng học và ĐĐC trẻ.

- Phòng học xây dựng dần trải đến tận xóm, liên xóm, đa số trước đây là lớp ghép 3 độ tuổi (3 đến 5 tuổi), nên nay việc thực hiện tách và thành lập lớp trẻ 5 tuổi để dạy 2b/ngày gặp khó khăn do thiếu phòng học.

- Một bộ phận phụ huynh học sinh đời sống kinh tế còn khó khăn, công tác xã hội hóa giáo dục hiệu quả thấp nên chưa xây dựng CSVC, mua sắm trang thiết bị cho ngành học chủ yếu do Nhà nước đầu tư.

3.2. Nguyên nhân chủ quan.

- Công tác tham mưu thực hiện Phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi ở một số cán bộ quản lý các trường chưa kịp thời; một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác này.

- Một bộ phận phụ huynh học sinh nhận thức về giáo dục và quan tâm chăm sóc cho con em mình còn hạn chế, chưa có ý thức cao đối với công tác phổ cập trẻ 5 tuổi.

4. Bài học kinh nghiệm.

- Tạo được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của các cấp lãnh đạo; sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi;

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng trong CBGV, nhân dân về công tác Phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi; tạo sức mạnh trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiêu phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi;

- Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường về số lượng, cơ cấu và chất lượng đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Đẩy mạnh công tác tham mưu các cấp để đầu tư kinh phí và huy động các nguồn lực khác để xây dựng CSVC trường học đáp ứng yêu cầu công tác phổ cập.

III. Những giải pháp, biện pháp tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 đến hết năm 2014 và kế hoạch cho năm 2015.

- Tăng cường sự lãnh chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong công tác PCGDMN cho trẻ em năm tuổi, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả xã hội hóa công tác PCGDMN cho trẻ em năm tuổi

- Xây dựng 24 phòng học (Phòng học thiếu, phòng học xuống cấp); 12 bếp ăn, 24 phòng chức năng, 09 nhà hiệu bộ và 66 nhà vệ sinh để đảm bảo các điều kiện phổ cập GDMN 5 tuổi cũng như điều kiện về CSVC để công nhận chuẩn Quốc gia năm học 2014-2015 và những năm tiếp theo..

- Tiếp tục đầu tư kinh phí mua sắm thiết bị dạy học.

- Đưa chỉ tiêu PCGDMN cho trẻ em năm tuổi cho từng xã, thôn vào tiêu chí thi đua của thôn, xã, nhà trường để xét thi đua hằng năm.

- Duy trì phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, đặc biệt đồ dùng để bổ sung những danh mục còn thiếu hoặc hư hỏng của bộ thiết bị dành riêng cho trẻ 5 tuổi.

- Tiếp tục tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng nhu cầu triển khai chương trình giáo dục mầm non mới.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho trẻ theo quy định, triển khai các mô hình phòng chống suy dinh dưỡng và vận động PHHS nâng cao khẩu phần ăn hợp lý hàng ngày cho trẻ, nhất là các địa phương khó khăn.

IV. Những đề xuất, kiến nghị với các ngành, các cấp.

1. Đối với Bộ GD và ĐT :

Bộ GD và ĐT xem xét và điều chỉnh tiêu chuẩn phổ cập đối với đơn vị cơ sở ở nội dung c về cơ sở vật chất : trường học có nhà bếp là khó thực hiện vì kinh phí phổ cập tập trung cho xây dựng phòng học, bổ sung trang thiết bị là chính. Hơn nữa việc tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày không nhất thiết phải tổ chức bán trú cho trẻ.

2. UBND tỉnh:

Hỗ trợ kinh phí theo Kế hoạch Đề án của tỉnh để UBND huyện triển khai xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác phổ cập

3. Đối với Sở GD và ĐT

Cấp trang thiết bị lớp mẫu giáo 5 tuổi kịp thời giúp huyện hoàn thành kế hoạch phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi theo đúng lộ trình.

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2011 – 2015./.

Nơi nhận :

- HĐND tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Sở GD&ĐT;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Lưu: VT.

(Handwritten initials)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Phạm Tích Hiếu